

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
**(Ngày 31 tháng 12 năm 2022)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Lê Thị Tuyết**. Ngày tháng năm sinh: 12/5/1971.
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Phương Nam B.
- Nơi thường trú: Tổ 2, khu 1, phường Trung Vương, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **022171002884**. ngày cấp: 06/9/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Hoàng Thanh Việt**. Ngày tháng năm sinh: 23/6/1965.
- Nghề nghiệp: Bộ đội.
- Nơi làm việc: Nghi hưu.
- Nơi thường trú: Tổ 2, khu 1, phường Trung Vương, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **022065000416**. ngày cấp: 14/8/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: **Không có**.

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: ...../...../.....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....  
ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): **Không có**.

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: ...../...../.....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....  
ngày cấp..... nơi cấp .....

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: .....
- 1.1. Đất ở: .....
- 1.1.1. Thửa thứ nhất:
- Địa chỉ: Địa chỉ: Số 8A, tổ 7, khu Tre Mai, phường Nam Khê, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
  - Diện tích: 50m<sup>2</sup>.
  - Giá trị: 1.500.000.000đ (Một tỉ, năm trăm triệu đồng).
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **Số G 578907** (Cấp ngày 04/11/1996 do Chủ tịch UBND thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp). Chủ sở hữu đất là: Hoàng Thanh Việt.
  - Thông tin khác (nếu có): .....
- 1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):
- Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Trung Vương, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
  - Diện tích: 305,5 m<sup>2</sup> (*Bằng chữ: Ba trăm linh năm, năm mét vuông*).
  - Giá trị: **3.500.000.000đ** (*Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm triệu đồng*).
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **Số CN 152813** (cấp ngày 20/8/2018 do Chủ tịch UBND thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp). Chủ sở hữu đất là: Hoàng Thanh Việt và Lê Thị Tuyết.
  - Thông tin khác (nếu có): **Không có.**
- 1.2. Các loại đất khác: **Không có.**
- 1.2.1. Thửa thứ nhất: Không có.
- Loại đất: ..... - Diện tích: .....
  - Giá trị: .....
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
  - Thông tin khác (nếu có): .....
- 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không có.
2. Nhà ở, công trình xây dựng:
- 2.1. Nhà ở:
- 2.1.1. Nhà thứ nhất: .....
- Địa chỉ: Số 8A, tổ 7, khu Tre Mai, phường Nam Khê, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
  - Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ
  - Diện tích sử dụng: 150 m<sup>2</sup> (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi mét vuông*).
  - Giá trị: **1.500.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn*).
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **Số G 578907** (Cấp ngày 04/11/1996 do Chủ tịch UBND thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp). Chủ sở hữu đất là: Hoàng Thanh Việt.

- Thông tin khác (nếu có): **Không có.**

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Ô số 01 – BT02. Tờ bản đồ số: QH dân cư

- Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Trung Vương, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ.

- Diện tích: 305,5 m<sup>2</sup> (*Bằng chữ: Ba trăm linh năm, năm mét vuông*).

- Giá trị: **3.500.000.000đ** (*Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm triệu đồng*).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **Số CN 152813** (cấp ngày 20/8/2018 do Chủ tịch UBND thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp). Chủ sở hữu đất là: Hoàng Thanh Việt và Lê Thị Tuyết.

- Thông tin khác (nếu có): **Không có.**

2.2. Công trình xây dựng khác: **Không có.**

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: ..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên):

3. Tài sản khác gắn liền với đất: **Không có.**

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

3.2. Rừng sản xuất: **Không có.**

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có.**

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. **Không có.**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. **Không có.**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không có.**

6.1. Cổ phiếu: **Không có.**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu: **Không có.**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp: **Không có.**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: **Không có.**

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: **01 xe ô tô Lexus (Nx200t). Sản xuất năm 2016 (Loại 05 chỗ). Số đăng ký: 14A 224.87. Giá trị: 2.450.000.000đ (Hai tỉ, bốn trăm năm mươi triệu đồng).**

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): **Không có.**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài: **Không có.**

9. Tài khoản ở nước ngoài: **Không có.**

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 144.000.000 đồng/01 năm.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 156.000.000 đồng/01 năm.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không có.**

- Tổng các khoản thu nhập chung: 300.000.000 đồng.

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các			

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
loại tài sản khác)			
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai	(-)	<b>1.370 triệu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp khác: 300 triệu.</li> <li>- Thu nhập từ bán hàng trên mạng: 150 triệu.</li> <li>- Thu nhập từ các khoản đầu tư của chồng: 920 triệu.</li> </ul>

Uông Bí, ngày .... tháng ... năm 2022  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Uông Bí ngày 22 tháng 12 năm 2022  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Văn Thanh**  
 (Chuyên viên Phòng GD&ĐT  
 thành phố Uông Bí)

**Lê Thị Tuyết**